

Bản án số: 73/2024/DS-PT

Ngày: 13-5-2024

V/v tranh chấp trách nhiệm dân sự
của bên bảo lãnh và quyền đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Lê Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồ Thu Uyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 và ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024, về việc tranh chấp “*Trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh và Q đòi lại tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo và bị kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị M, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu phố B, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Trí V, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

- *Bị đơn:* Ông Phạm Quốc V1, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 05/10/2022).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chi nhánh Văn phòng Đ. Do ông Phan Thành L – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách đại diện. (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 22/3/2024).

2. Ông Cao Minh H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu phố B, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Minh H: Ông Thông Minh P, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 21/12/2022)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Quốc V1.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà Võ Thị M, ông Ngô Trí V, ông Phạm Quốc V1, ông Nguyễn Quốc T; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt) ông Phan Thành L và ông Thông Minh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Võ Thị M trình bày:*

Bà M có quen ông Phạm Quốc V1 qua giới thiệu của người khác. Cũng vì chỗ quen biết làm ăn nên vào ngày 10/01/2017 ông V1 dắt ông Cao Minh H tới nhà bà đặt vấn đề mượn 100.000.000 (một trăm triệu đồng) nhưng không có tài sản nên bà không đồng ý cho mượn, hai người lại ra về, một lát sau hai người lại quay lại, lúc này ông V1 có trao đổi với bà ông có cuốn sổ do ông đứng tên và có nói “*chị cho em mượn 100.000.000 (một trăm triệu đồng) em đưa tài sản của em cho chị giữ và em ký giấy bảo lãnh cho, không sao đâu. Nếu ông H không trả thì người bảo lãnh trả chị lo gì*”. Và ông V1 đã đưa cho bà cuốn sổ số AD701742 tên ông V1 cho bà giữ, vì tin ông V1 là người bảo lãnh và bà đã giữ sổ đỏ nên bà đã đưa tiền cho ông V1 với số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) ông V1 nhận tiền, đếm tiền xong rồi hai người cùng ra về. Hôm sau, ông V1 lại dắt ông H tới lại cũng nói những lời như trên và mượn thêm 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) nữa là đủ 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng) hẹn mười ngày trả, nhưng không thấy trả cho bà nên bà có gọi điện thì bảo “*Đúng tháng trả luôn chị ơi*”.

Ngày 13/02/2017 ông V1 cầm tiền xuống trả lãi một tháng rồi nói “*Em cần 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) chị cho em mượn thêm 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) nữa là đủ 400.000.000 (bốn trăm triệu đồng) em làm đảo hạn cho ông H 3 ngày cao lắm là 7 ngày, giải ngân xong em trả cho chị*”. Tôi có hỏi lý do ông V1 trả lời “*hồ sơ và tài sản của ông H em quản lý em chuyển từ ngân hàng này qua ngân hàng khác là ngân hàng Q1 chị cho mượn đi, chị giữ tài sản em mà, sợ gì đảng nào em cũng trả tiền cho chị và lấy lại tài sản em về*”. Nghe ông V1 nói hợp lý vì chỗ quen biết nên bà đưa tiền không yêu cầu ông V1 viết giấy nhận tiền, lúc đó 14 giờ bà đưa cho ông V1 tờ tiền 200 ngàn 10 lốc là 200.000.000 đồng ông V1 cầm tiền đếm xong và vội ra đi. Sau 3 ngày rồi tới 7 ngày bà gọi điện thoại thì ông V1 cầm tiền lãi xuống trả và nói “*chưa giải ngân được chị à, chờ vài bữa nữa*

nha chị". Rồi sau nhiều ngày hẹn lần hẹn lượt không thấy trả tiền cho bà và bà có gọi nhiều lần thì ông V1 nói là ông H bỏ trốn rồi, sau nhiều lần bà gọi nữa ông V1 mới tới nhà bà năn nỉ "*tôi cho em thời gian em lo tiền trả chị vì em cũng bị dính tiền bên Hạp nữa chị à*". Bà M nghe vậy cũng thông cảm cho nên bà mới nói "*tiền này chị mượn của ngân hàng đưa cho em, chị mua 1 chiếc xe ô tô trả góp ngân hàng tháng 10.000.000 (mười triệu đồng), thôi em trả chị 10.000.000 (mười triệu đồng) hàng tháng, 12 tháng là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng) còn tiền lãi chị thêm để góp ngân hàng cũng được*". Ông V1 đồng ý, bà mới hỏi "*còn 200.000.000 đồng kia em tính sao?*". Thì ông V1 trả lời "*em bắt được ông H, em trả sau*" nên bà cũng đồng ý. Tháng đầu ông V1 trả 5.000.000 đồng, bà nói ông V1 hứa đưa 10.000.000 sao đưa có 5.000.000, ông V1 nói "*em kẹt quá chị, tháng sau em đưa bù*". Tháng sau ông V1 đưa 7.000.000 đồng bà có gọi ông V1 hỏi "*tháng sau đưa bù 10.000.000 đồng sao lại muốn đưa nhiều thì đưa*". Ông V1 nói "*tôi trả chị 75.000.000 đồng 1 tháng 5.000.000 đồng chị không lấy thì thôi*". Hai người to tiếng trong điện thoại, ông V1 cầm tiền đi, từ đó ông V1 chặn điện thoại bà.

Sau thời gian nghe ông V1 làm lại sổ mới, bà đến Văn phòng đăng ký đất đai hỏi thì được biết tháng 12/2017 ông V1 có mất, ngày 10/4/2018 cấp sổ mới, bà mới làm đơn ngăn chặn, ngày 24/9/2021 bà nhận được thông báo của Chi nhánh văn phòng Đ nội dung đơn ngăn chặn của bà không thuộc chức năng và thẩm quyền giải quyết của Văn phòng đăng ký đất đai. Tuy nhiên để có cơ sở cho tạm dừng việc ngăn chặn các giao dịch liên quan đến Giấy chứng nhận số CM415836 cấp ngày 10/4/2018 thì đề nghị bà cung cấp được quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 111, Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 của cơ quan Tòa án. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ sẽ tạm dừng việc thực hiện các thủ tục đăng ký biến động số CM415836 cấp ngày 10/4/2018 đứng tên ông Phạm Quốc V1.

Nay bà yêu cầu toà giải quyết vì ông V1 đã lừa bà và nhiều cơ quan chức năng nhà nước, sổ đã thế chấp rồi còn có mất làm lại sổ mới, buộc ông V1 trả lại số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất của số tiền 200.000.000 đồng theo quy định của pháp luật tính từ tháng 6/2017 cho đến nay.

** Bị đơn ông Phạm Quốc V1 trình bày tại bản khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Ông V1 vẫn giữ nguyên trình bày tại bản khai ngày 29/3/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2022.

Bà M cho rằng ông vay của bà M 350.000.000 đồng và để làm tin ông thế chấp cho bà M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 701742 là không đúng. Ông quen bà M từ giữa năm 2016, sau đó ông và bà M có hợp tác, làm ăn, hùn vốn chung nhiều lần. Thời gian đầu chưa tin tưởng nhau thì mỗi lần giao nhận tiền, hùn tiền đều có viết giấy nhưng sau đó làm việc với nhau nhiều thì không viết giấy nữa. Khoảng đầu năm 2017, ông Cao Minh H có tới tìm ông, nhờ ông làm một số thủ tục, giấy tờ liên quan đến ngân hàng rồi sau đó nhờ ông cho mượn 400.000.000 đồng để đáo hạn bên ngân hàng Q1. Lúc này ông bàn với bà M rồi ông và bà M mỗi người hùn vào 200.000.000 đồng để nộp vào ngân hàng Q1 cho

ông H (tức nộp tổng cộng 400.000.000 đồng). Sau đó do cần tiền để làm ăn, ông H tiếp tục tới mượn bà M 50.000.000 đồng, bà M đồng ý. Việc giao nhận tiền giữa bà M và ông H được lập thành biên bản và có ông cùng ký tên với tư cách là người làm chứng. Được một thời gian ngắn sau đó ông H gọi điện cho ông, ngỏ ý nhờ ông hỏi bà M cho ông H mượn tiếp số tiền 100.000.000 đồng. Ông nói ông H trao đổi trực tiếp với bà M nhưng ông H nói trước đó ông H chưa trả đủ lãi cho bà M nên không dám trực tiếp mượn tiền bà và trình bày với ông là tàu của ông bị vi phạm nên cần tiền để lấy tàu ra. Là chỗ quen biết nên ông tin tưởng ông H, đứng ra gọi điện cho bà M để hỏi mượn cho ông H 100.000.000 đồng thì bà M đồng ý và hẹn ông H tới nhà bà M để nhận tiền. Khi bà M giao cho ông H số tiền 100.000.000 đồng thì cũng được lập thành biên bản và lần này bà M nói ông ký tên với tư cách là người bảo lãnh nên ông đồng ý ký và cũng ghi rõ trong biên bản là ông ký với tư cách người bảo lãnh.

Như vậy, trong 350.000.000 đồng mà bà M kiện ông có 200.000.000 đồng là bà M cùng ông hùn vào để đáo hạn ngân hàng, bản thân ông cũng bị mất 200.000.000 đồng trong vụ việc lần này. Còn 150.000.000 đồng là bà M cho ông H vay, không phải cho ông vay. Nay bà M khởi kiện buộc ông phải trả cho bà M số tiền 350.000.000 đồng ông không đồng ý vì ông không vay, mượn bà M số tiền này. Tuy nhiên, do ông là người đứng ra giới thiệu cho ông H làm quen với bà M nên ông chấp nhận trả cho bà M một phần trong số tiền ông H vay bà M (tức 1 phần trong số tiền 150.000.000 đồng), cụ thể là ông đồng ý trả cho bà M 100.000.000 đồng thay cho ông H. Đối với việc bà M cho rằng ông thế cho bà M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 701742 thì hoàn toàn không có sự việc này. Quá trình quen biết ông thường xuyên đến nhà bà M chơi, 2 chị em cùng thường xuyên đi ăn, đi chơi, đi nhậu với nhau mà bản thân ông thì thường hay mang theo nhiều tài liệu cá nhân. Việc bà M có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông có thể do ông để quên tại nhà bà M, bà M nhặt được hoặc vì lý do gì mà bà M có thì ông không rõ. Nhưng ông khẳng định ông không thế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà M. Bản thân ông cũng không biết chính xác giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này mất từ khi nào và mất ở đâu, mãi cho tới khi ông có việc cần dùng tới thì ông mới phát hiện ra là bị mất và làm thủ tục xin cấp lại. Nay được biết bà M đang giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì ông yêu cầu bà M trả lại cho ông giấy tờ này. Ông thừa nhận có ký giấy mượn tiền ngày 11/01/2017, có nhận thêm 50.000.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng, nội dung mặt trước của tờ giấy mượn của bà M trước đó là 100.000.000 đồng và để lại 01 đăng ký xe đông lạnh biển số 86C -03333 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 701742, thời hạn trả là 10 ngày.

Ông thừa nhận bà M có giao cho ông 200.000.000 đồng để đi đáo hạn Ngân hàng cho ông H, số tiền này ông nhận từ bà M. Ngoài 200.000.000 đồng của bà M thì ông có bỏ vào 200.000.000 đồng, tổng cộng là 400.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho ông H. Sau đó ông H bỏ trốn khỏi địa phương và không trả số tiền này. Nay ông đồng ý trả số tiền ông ký bảo lãnh cho ông H vay của bà M là 150.000.000 đồng, ông không đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng vì số tiền này ông và bà M hùn chung để đáo hạn ngân hàng cho ông H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Minh H - ông Thông Minh P trình bày:*

Khoảng đầu năm 2017, ông H cần tiền để đáo hạn tại Ngân hàng Q1-Chi nhánh B. Thông qua mối quan hệ quen biết, ông H đã vay của ông Phạm Quốc V1 và bà Võ Thị M tổng số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) với các lần vay tiền như sau:

+ Lần thứ nhất: Vay 400.000.000 đồng (trong đó ông V1 200.000.000 đồng, bà M 200.000.000 đồng), thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất là 1%/ngày, tương đương 4.000.000 đồng/một ngày. Hết thời hạn vay 10 ngày, nhưng do chưa có tiền trả tiền gốc, nên ông H đã thanh toán tiền lãi cho bà M 4 kỳ lãi liên tiếp, mỗi kỳ 40.000.000 đồng.

+ Lần thứ hai: Vay của bà M số tiền 100.000.000 đồng; thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất là 1%/ngày, tương đương 1.000.000 đồng/một ngày, 10 ngày tiền lãi là 10.000.000 đồng.

+ Lần thứ ba: Vay của bà M số tiền 50.000.000 đồng; thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất là 1%/ngày, tương đương 500.000 đồng/một ngày, 10 ngày tiền lãi là 5.000.000 đồng.

Tổng cộng ông H vay của ông V1 200.000.000 đồng, bà M 350.000.000 đồng. Trong đó số tiền 350.000.000 đồng mà ông H vay của bà M thì ông V1 là người đứng ra bảo lãnh và ký tên vào giấy vay tiền cùng ông H. Mục đích vay mượn tiền của ông H nêu trên là nhằm một phần đáo hạn Ngân hàng, một phần để cứu tàu thu mua hải sản đã vô tình vi phạm lãnh hải của Quốc gia Malaysia.

Lý do ông Cao Minh H chưa thanh toán số tiền 350.000.000 đồng cho bà Võ Thị M và việc bà Võ Thị M khởi kiện ông Phạm Minh V2: Trong năm 2018, vì kinh tế còn khó khăn không đủ tiền để trả nợ cho V2, nên ông H đã sang tài sản là quyền sử dụng đất ở huyện B (đang thế chấp ở Ngân hàng A Chi nhánh B) cho ông V2 để cân trừ hết khoản nợ 200.000.000 đồng. Đối với khoản vay của bà M, thì thời điểm này ông H chưa thu xếp để trả tiền gốc được. Đến cuối năm 2017, Công ty chính thức bị phá sản, cá nhân ông H cũng rơi vào tình cảnh khó khăn về mặt tài chính. Việc kinh doanh thất bại, hơn nữa tài sản đã bị Ngân hàng xử lý hết, bản thân ông H có vợ và 02 con nhỏ nên để tìm kiếm con đường nuôi sống gia đình. Vào cuối năm 2021 ông H đã đưa cả nhà vào tỉnh Đồng Nai để xin việc làm nhằm lo lắng cho gia đình, tích góp một phần tiền để thanh toán cho các chủ nợ. Vì bà M không thể thu hồi được khoản tiền cho vay từ ông H nên bà M đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông V2 (người đứng ra bảo lãnh cho ông H vay tiền) trả số tiền 350.000.000 đồng. Việc vay số tiền 350.000.000 đồng của bà M là do ông H vay, ông V2 là người đã giới thiệu và đứng ra bảo lãnh giúp ông H vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Nên trách nhiệm thanh toán số tiền 350.000.000 đồng cho bà M là của ông H chứ không liên quan gì đến ông V2. Đồng thời, ông H thừa nhận có vay của bà M số tiền này nhưng vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn và ngân hàng đã xử lý hết toàn bộ tài sản, nên ông H chưa có điều kiện để trả nợ ngay một lần cho bà M chứ ông H không cố tình trốn tránh, không trả nợ. Chính vì vậy, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị M yêu cầu ông Phạm Quốc V1 phải trả cho bà M số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng); ông Cao Minh H tự nguyện thanh toán số tiền 350.000.000

đồng mà ông H đã vay của bà M. Ông H đề xuất sẽ trả dần cho bà M số tiền 20.000.000 đồng/tháng, trả cho đến khi dứt điểm số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã quyết định:

1/ Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 262; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 342, Điều 357, Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M.

Công nhận sự tự thỏa thuận của ông Phạm Quốc V1 đồng ý trả cho bà Võ Thị M 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng) (số tiền ông V1 bảo lãnh cho ông H vay của bà M).

Buộc ông Phạm Quốc V1 phải trả cho bà Võ Thị M số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi là 245.680.000 đồng.

Tổng cộng ông V1 phải trả cho bà M số tiền 350.000.000 đồng tiền gốc và 245.680.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với qui định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 9 năm 2023, bị đơn ông Phạm Quốc V1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm vì chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 369/QĐ-VKS-KN đối với một phần nội dung Bản án số 64/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M về việc bị đơn phải trả khoản tiền vay 200.000.000 đồng và khoản tiền lãi 245.680.000 đồng phát sinh cho nguyên đơn cùng phần án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn xin rút một phần kháng cáo đối với số tiền 150.000.000 đồng, vì số tiền này tại tòa án cấp sơ thẩm bị đơn đã tự nguyện đồng ý trả cho nguyên đơn.

Bị đơn xác định lại phạm vi kháng cáo chỉ kháng cáo đối với số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh vì bị đơn không vay của nguyên đơn số tiền này mà do ông H vay, nay ông H cũng đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này nên yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận đối với số tiền 150.000.000 đồng.

- Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn, nhận thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn có căn cứ để chấp nhận một phần đối với phần tính lãi của số tiền 200 triệu đồng;

Đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận rút phần kháng nghị đối với số tiền 200 triệu đồng; Đối với nội dung tính lãi trên số tiền 200 triệu đồng thì giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Bản án sơ thẩm phân tích lãi chậm trả nhưng buộc bị đơn chịu lãi 20%/năm từ ngày 01/6/2017 là không có căn cứ. Nên đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay (về trách nhiệm của bên bảo lãnh) và tranh chấp đòi lại tài sản.
- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết.

Sửa một phần Bản án số 64/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết về phần tiền lãi đối với số tiền 200 triệu đồng và tính lại án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bị đơn ông Phạm Quốc V1 kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết kháng nghị phúc thẩm là trong thời hạn kháng nghị, đúng quy định tại Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, ông Thông Minh P là người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông H không kháng cáo, Tòa án đã triệu tập hợp lệ người đại diện theo ủy quyền của ông H lần thứ hai nên tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Phạm Quốc V1 xin rút yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 150.000.000 đồng mà ông đã bảo lãnh cho ông Cao Minh H vay của bà Võ Thị M. Xét thấy việc rút một phần kháng cáo của ông V1 là tự nguyện nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 298 Bộ luật Tố tụng dân sự và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo mà bị đơn xin rút theo quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận xin rút một phần kháng nghị đối với số tiền 200 triệu đồng nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 298 Bộ luật Tố tụng dân sự và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với vấn đề này theo quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét bị đơn ông Phạm Quốc V1 kháng cáo đối với số tiền 200 triệu đồng và số tiền lãi phát sinh tính từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Theo bà Võ Thị M khai, bà là người cho ông Phạm Quốc V1 vay số tiền 200 triệu đồng vào ngày 13/02/2017 và ông V1 là người trực tiếp nhận số tiền 200 triệu đồng từ bà M, do tin tưởng nên hai bên không làm giấy tờ, lúc bà giao tiền cho ông V1 không có mặt ông H. Ngược lại, ông V1 không thừa nhận vay số tiền 200 triệu đồng của bà M mà cho rằng đây là số tiền ông Cao Minh H vay của bà M. Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 13/9/2022 của Tòa án sơ thẩm, ông V1 thừa nhận bà M có giao 200 triệu đồng cho ông, ông nhận số tiền này của bà M để đi đáo hạn ngân hàng cho ông Cao Minh H. Hơn nữa, tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 30/8/2023, ông V1 cũng thừa nhận ông là người nhận 200 triệu đồng từ bà M để đáo hạn ngân hàng cho ông H, bà M giao tiền cho ông không có mặt ông H. Như vậy, căn cứ vào sự thừa nhận của ông V1 thì bà M không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ để xác định ông V1 là người đã nhận số tiền 200 triệu đồng của bà M và việc giao nhận tiền chỉ diễn ra giữa bà M và ông V1. Nay ông V1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền này ông nhận dùng cho ông H để đi đáo hạn ngân hàng cho ông H. Mặt khác, thì giữa ông V1 và ông H không có giấy tờ thể hiện ông H nhờ ông V1 nhận tiền của bà M thay cho ông H. Xét thấy, ông V1 là người đã nhận tiền của bà M thì ông phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 200 triệu đồng cho bà M và bà M có quyền yêu cầu ông V1 là người nhận tiền phải trả lại số tiền trên cho bà M là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 164 và Điều 166 Bộ luật dân sự.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản là chưa phù hợp với nội dung và bản chất sự việc. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định trong vụ án này có hai quan hệ pháp luật tranh chấp là “Trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh” (đối với hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 150 triệu đồng) và “Quyền đòi lại tài sản” (đối với số tiền 200 triệu đồng) theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 342, Điều 166 Bộ luật dân sự.

[8] Đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền 200 triệu đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy do nguyên đơn không chứng minh được giữa nguyên đơn và bị đơn có

hợp đồng vay tài sản, không chứng minh được hai bên có thỏa thuận về lãi suất và không chứng minh được thời hạn trả số tiền 200 triệu đồng. Mặt khác, nguyên đơn cho rằng bị đơn có trả cho nguyên đơn được mấy tháng tiền lãi theo lãi suất 3%/tháng, còn bị đơn cho rằng có trả cho nguyên đơn được 5.000.000 đồng tiền lãi đối với số tiền 150 triệu đồng, còn 200 triệu đồng không vay nên không trả lãi, nhưng đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Do đó, xác định thời điểm và mức lãi suất tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 08/10/2021 (là ngày Tòa án sơ thẩm nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn) theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm.

Từ nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm tính lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và buộc bị đơn chịu lãi suất từ ngày 01/6/2017 là không có căn cứ. Do đó, tòa án cấp phúc thẩm tính lại tiền lãi và thời gian tính lãi từ ngày 08/10/2021 đến ngày 30/8/2023 là 22 tháng 22 ngày là 37.737.000 đồng.

[9] Từ những nhận định trên xét thấy chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về số tiền lãi và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi suất mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 37.737.000 đồng.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm thì ông V1 là người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó, ông V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn không được tòa án chấp nhận.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 3 Điều 296, khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phạm Quốc V1 và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

[2] Căn cứ: Khoản 2, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 262; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 342, khoản 2 Điều 164, Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

[3] Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị M.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Phạm Quốc V1 đồng ý trả cho bà Võ Thị M số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc ông Phạm Quốc V1 phải trả cho bà Võ Thị M số tiền 237.737.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng, trong đó có 200.000.000 đồng tiền gốc và 37.737.000 đồng tiền lãi).

Tổng cộng ông Phạm Quốc V1 phải trả cho bà Võ Thị M số tiền 387.737.000 đồng (Ba trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Đình chỉ xét xử phần kháng cáo mà bị đơn xin rút yêu cầu đòi với số tiền 150.000.000 đồng.

[5] Đình chỉ xét xử phần kháng nghị mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận xin rút kháng nghị đòi với số tiền 200.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Quốc V1 phải nộp 19.386.850 đồng (Mười chín triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Võ Thị M phải nộp 10.397.150 đồng (Mười triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn một trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004151 ngày 16/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà M còn phải nộp thêm 1.647.150 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Quốc V1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phạm Quốc V1 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0018727 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

[8] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/5/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND TP Phan Thiết;
- Chi cục THADS Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: hs vụ án, Tổ HCTP; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phong Lan

